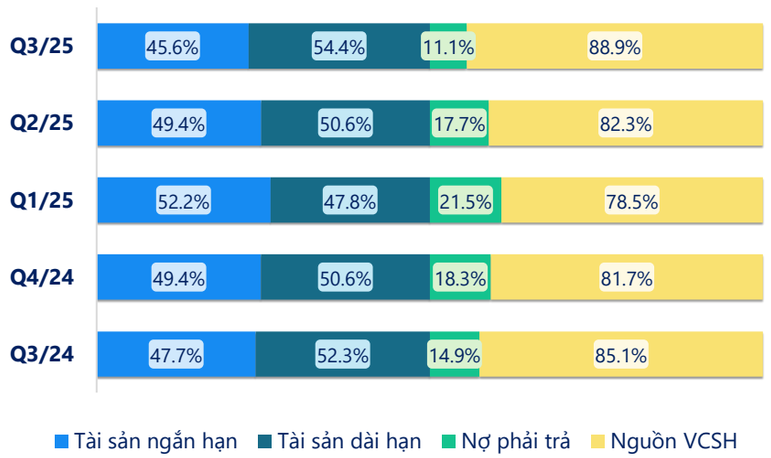
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,550
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	417,630
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,431
P/E	15.4
EPS	693

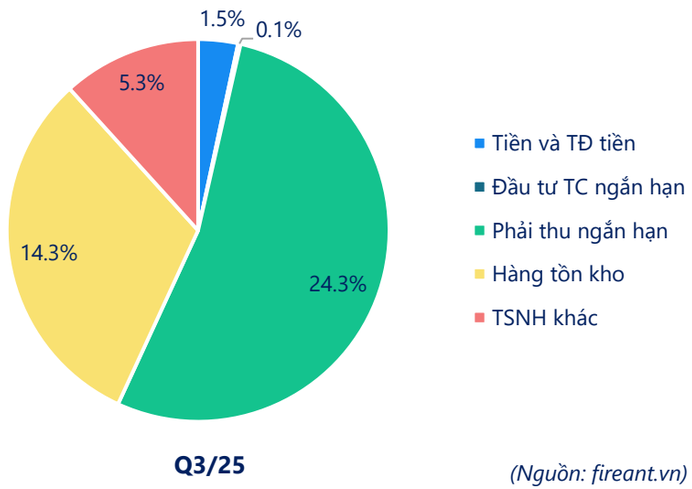
	YTD	1T	3T	6T
PPC	-4.0%	-1.8%	-5.3%	-7.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



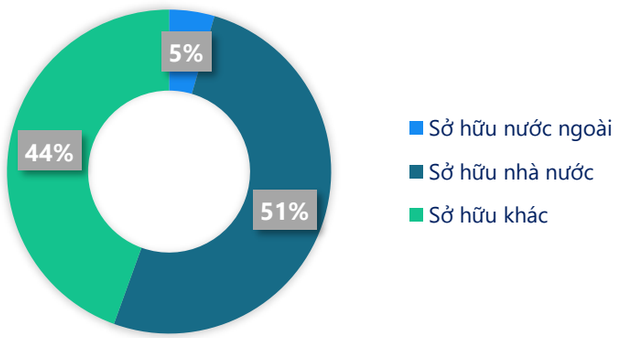
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



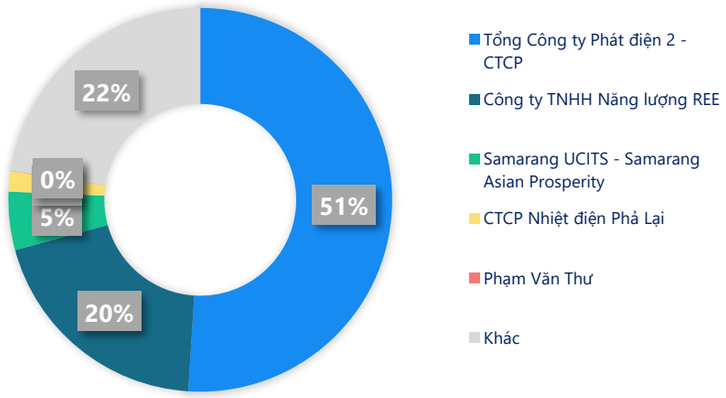
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



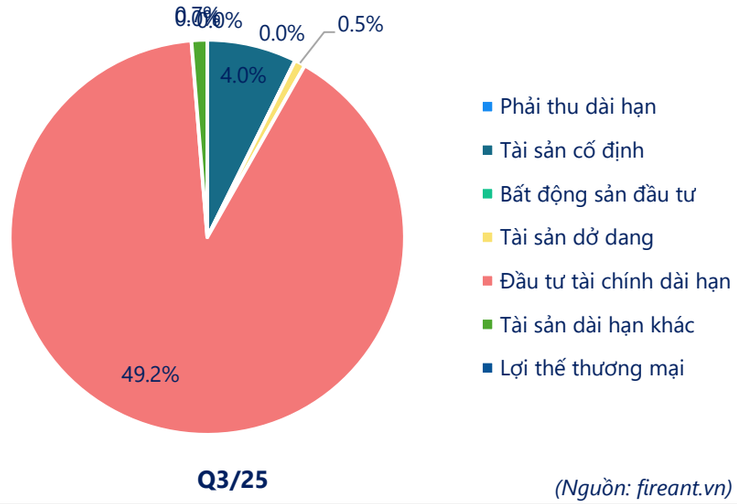
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

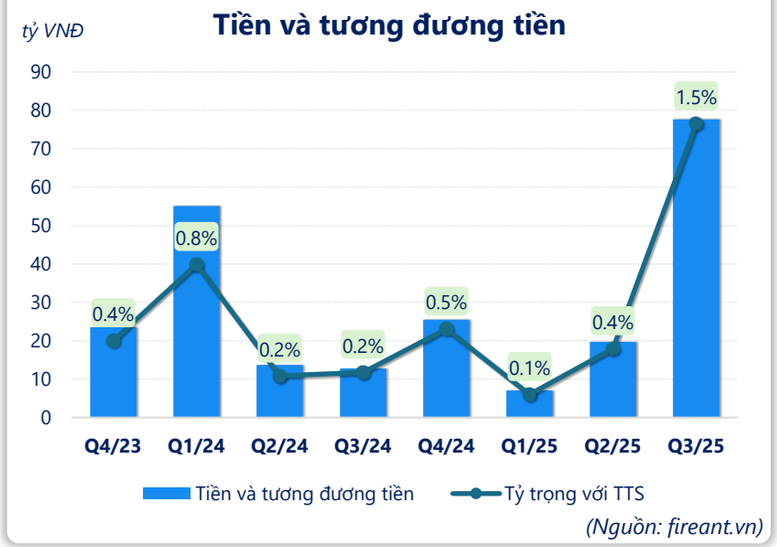


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

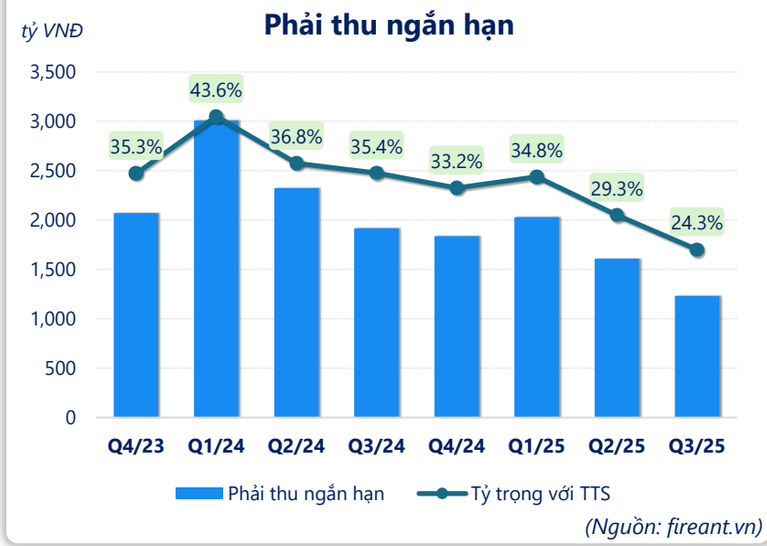
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



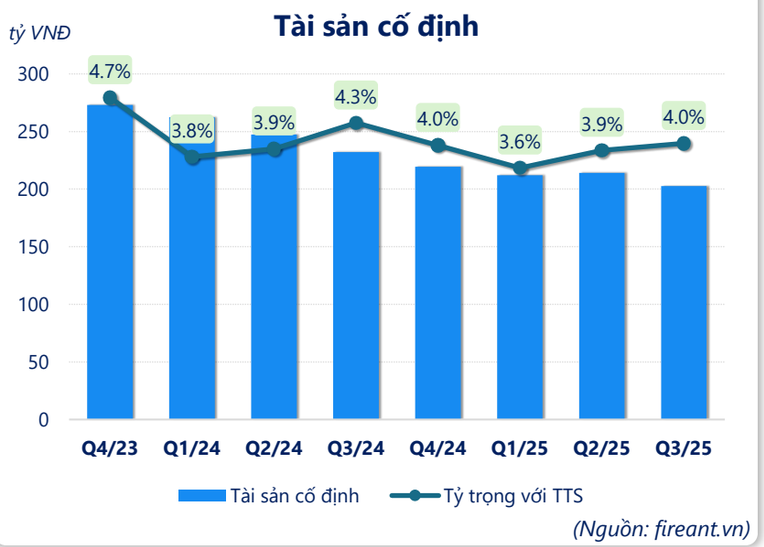
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



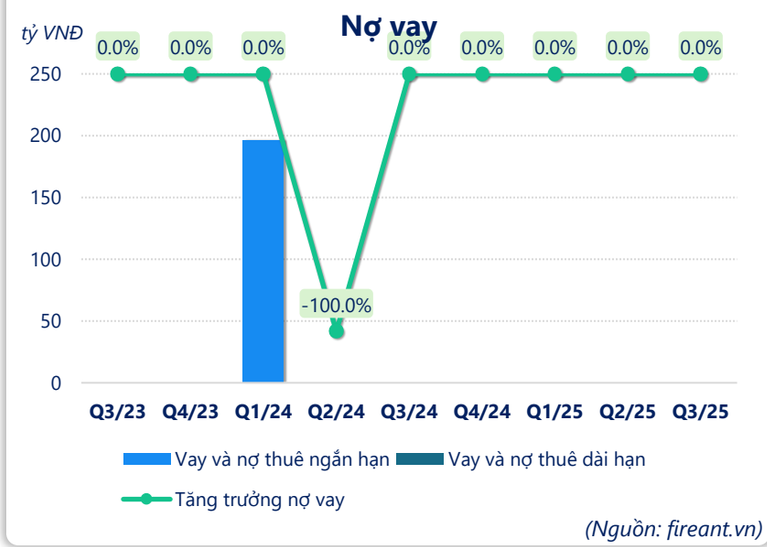
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



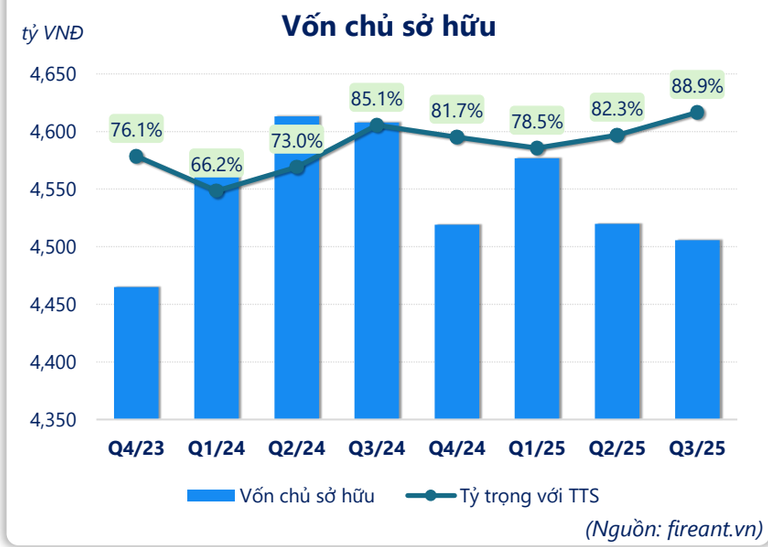
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

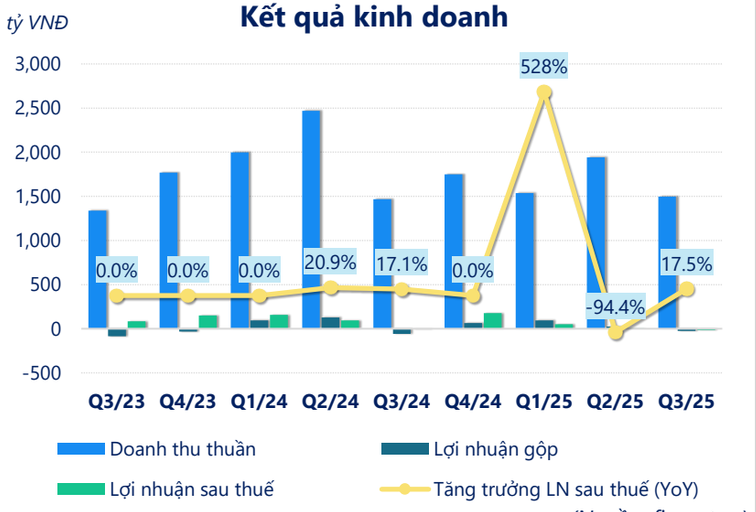
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

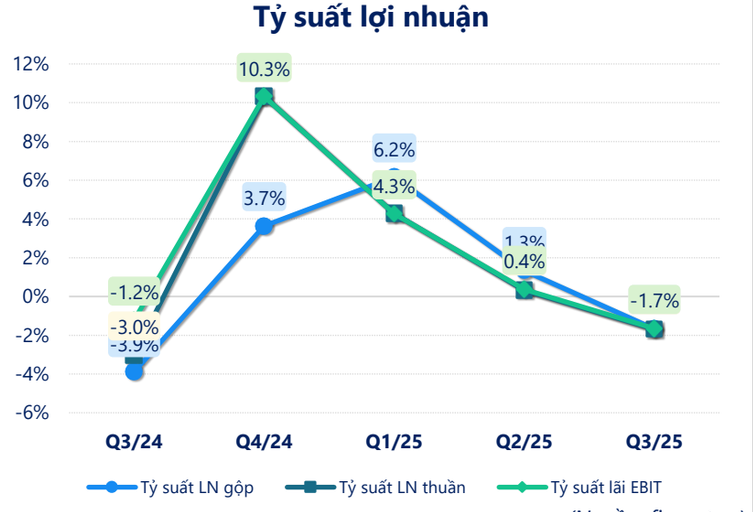
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Kết quả kinh doanh



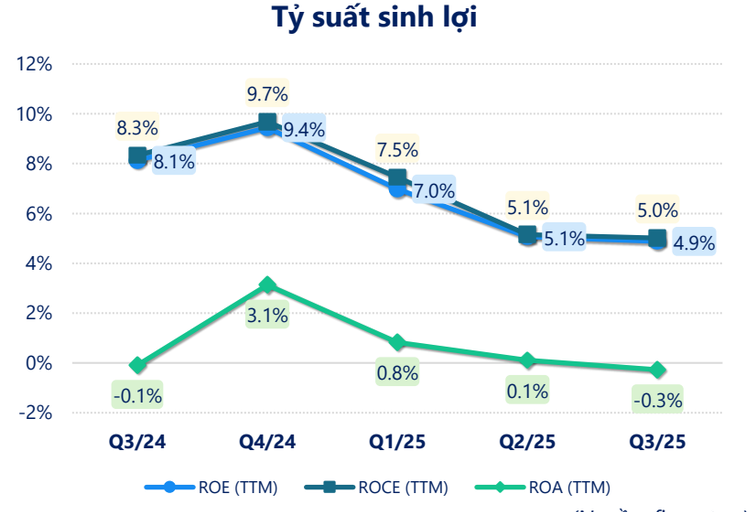
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



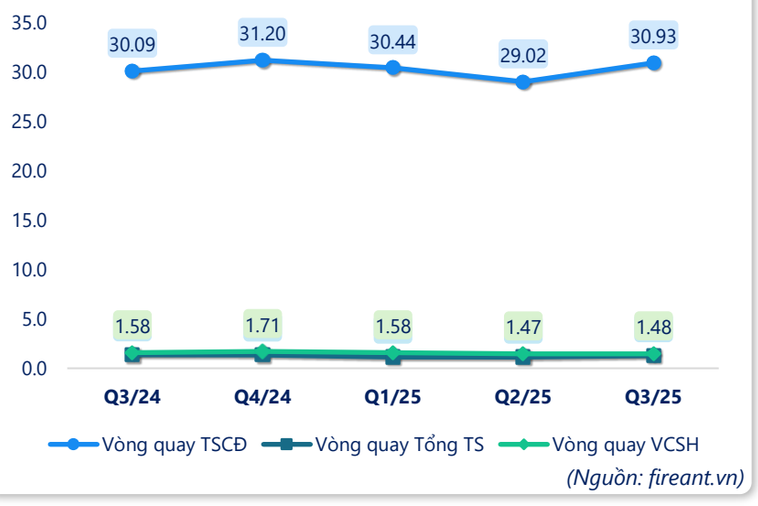
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



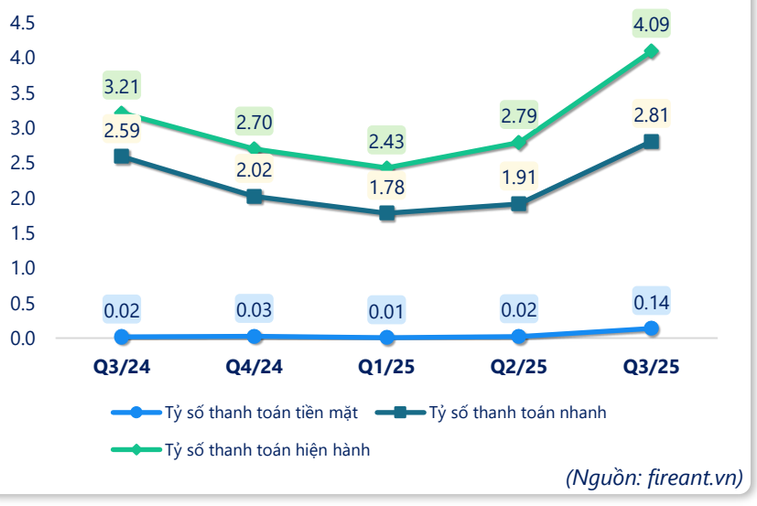
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



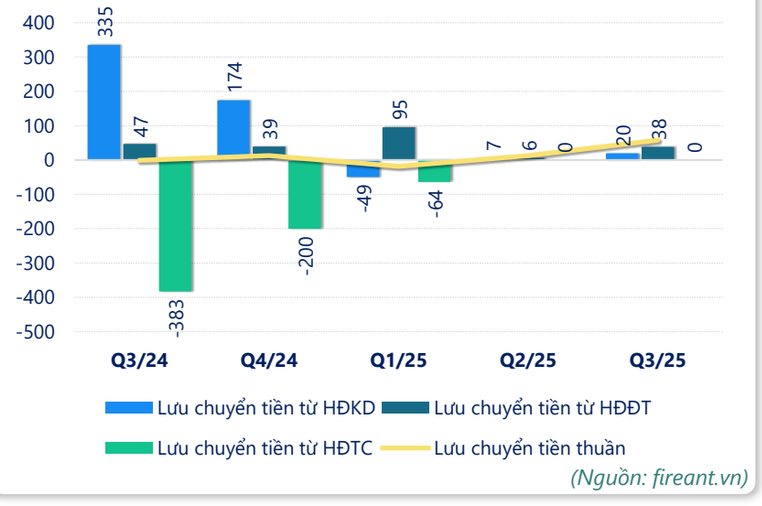
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,070**	**5,534**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,312	2,730	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	77.6	25.5	205%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	1,232	1,838	-33.0%
Hàng tồn kho	726	682	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	271	185	46.6%
Tài sản dài hạn	**2,759**	**2,803**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	203	219	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	25.9	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,497	2,497	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**35.5**	**60.5**	**-41.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	565	1,009	-44.0%
Nợ ngắn hạn	**565**	**1,009**	**-44.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	395	799	-50.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,506**	**4,524**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**4,506**	**4,524**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,465	1,750	1,536	1,940	1,497
Giá vốn hàng bán	1,522	1,686	1,441	1,914	1,522
Lợi nhuận gộp	-56.9	63.9	94.7	25.9	-25.0
Doanh thu HĐTC	45.5	167	0.02	2.28	27.8
Chi phí TC	0.01	1.25	0	0.04	0.70
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	32.9	49.3	29.1	21.9	27.2
LN thuần từ HĐKD	-44.3	181	65.6	6.26	-25.2
Lợi nhuận khác	26.4	0.01	-0.20	0.85	0.42
LN trước thuế	-18.0	181	65.4	7.12	-24.7
Lợi nhuận sau thuế	-5.31	178	52.3	6.09	-14.3
LNST của CĐ cty mẹ	-5.31	178	52.3	6.09	-14.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	335	174	-49.4	6.78	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	46.9	38.7	95.1	5.92	38.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-383	-200	-64.1	0	0
Tiền đầu kỳ	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.90**	**12.7**	**-18.4**	**12.7**	**57.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.8	25.5	7.02	19.7	77.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic